

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Truyền thông đa phương tiện, Mã số: 7320104

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 516/QĐ-HVPNVN ngày 02/8/2021 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ biên bản góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 13 tháng 8 năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Phê duyệt Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Truyền thông đa phương tiện (có văn bản chi tiết kèm theo);

**Điều 2:** Phòng Đào tạo, Khoa Truyền thông đa phương tiện và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể khoá tuyển sinh năm học 2021-2022./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2;
- Website Học viện;
- Lưu ĐT, VT.



PGS, TS. Trần Quang Tiến



## MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

### TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN

(Ban hành theo Quyết định số 612/QĐ-HVPNVN ngày 15 tháng 9 năm 2021  
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

#### 1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Truyền thông đa phương tiện

+ Tên tiếng Anh: Multimedia communication

+ Mã số ngành đào tạo: 7320104

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 4 năm, tốt nghiệp sớm: 3 năm (nếu có), thời gian tối đa hoàn thành chương trình: 6 năm.

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng cử nhân

- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Phụ nữ Việt Nam

#### 2. Mục tiêu đào tạo

##### 2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo trình độ Đại học ngành Truyền thông đa phương tiện để sinh viên có nền tảng lý luận chính trị vững chắc, kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật của ngành Truyền thông đa phương tiện, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành Truyền thông đa phương tiện.

##### 2.2. Các mục tiêu cụ thể:

1) Có kiến thức khoa học, nền tảng về Chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiến thức vững chắc, toàn diện, chuyên sâu về ngành Truyền thông đa phương tiện, bao gồm 3 khối kiến thức cốt lõi: kiến thức về công nghệ, kiến thức về mỹ thuật, kiến thức về báo chí – truyền thông; Có nhạy cảm giới trong sản xuất các sản phẩm truyền thông.

2) Có kỹ năng hình thành ý tưởng, thiết kế, sản xuất, đánh giá, chuyển giao vận hành được các sản phẩm truyền thông như: ấn phẩm sách báo, chế bản điện tử, video, giao diện website; các sản phẩm đồ họa đa phương tiện tương tác như: kỹ xảo đa phương tiện, phim hoạt hình, game, đồ họa mô phỏng; các chiến lược truyền thông, quan hệ công chúng... đáp ứng hiệu quả những yêu cầu của nền công nghiệp sáng tạo, giải trí hiện đại và nhu cầu xã hội.

3) Có khả năng làm việc độc lập; tác phong và thái độ làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm, nhiệt tình và hòa đồng; có khả năng làm việc nhóm; có khả năng nhạy cảm giới trong sản xuất các sản phẩm truyền thông.

### **3. Chuẩn đầu ra**

#### **3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (KT)**

- KT1: Tóm tắt được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- KT2: Giải thích được những kiến thức cơ bản của ngành truyền thông đa phương tiện. Giải thích mạch lạc các kiến thức về mỹ thuật – báo chí truyền thông - công nghệ và các lĩnh vực có liên quan để vận dụng trong sáng tạo sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Giải thích được kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện hoặc Báo chí truyền thông.

- KT3: Giải thích mạch lạc được những kiến thức về bình đẳng giới trong lĩnh vực truyền thông làm cơ sở đề xuất những thay đổi trong thiết kế và quảng bá sản phẩm truyền thông có nhạy cảm giới.

- KT4: Ứng dụng các kiến thức về công nghệ thông tin, quản lý, điều hành vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện các sản phẩm thuộc chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện hoặc Báo chí truyền thông.

#### **3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (KN)**

- KN1: Giải quyết các vấn đề/tình huống trong thực tiễn cuộc sống và công việc theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- KN2: Hình thành ý tưởng sáng tạo, thiết kế, sản xuất, đánh giá, chuyển giao và kinh doanh sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

- KN3: Sử dụng thành thạo máy ảnh, máy quay phim, các phần mềm chuyên dụng và công nghệ mới trong sáng tạo nội dung số, thiết kế các sản phẩm truyền thông đa phương tiện, trong tổ chức thực hiện chiến dịch truyền thông, quảng cáo.

- KN4: Tìm tòi ý tưởng, viết kịch bản, xử lý hình ảnh, vẽ minh họa nhân vật, thiết kế án phẩm truyền thông, kỹ xảo đa phương tiện; rèn luyện kỹ năng tư duy sáng tạo, phát triển ý tưởng nội dung, áp dụng hiệu quả vào quá trình sản xuất sản phẩm đa phương tiện. Kỹ năng phân tích giới, sáng tạo các sản phẩm truyền thông có nhạy cảm giới.

- KN5: Sắp xếp, điều hành, lập kế hoạch và tổ chức chiến dịch truyền thông, kỹ năng quản lý dự án đa phương tiện; thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp, khả năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

- KN6: Đặt câu hỏi, kiểm tra trong giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả; phát triển kỹ năng tự nghiên cứu và học tập suốt đời; kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định tự tin, thành thực.

\* *Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện:*

- KN7a: Kỹ năng thiết kế, sáng tạo sản phẩm truyền thông, quảng cáo như: Bộ nhận diện thương hiệu, dàn trang báo, tạp chí, thiết kế Website, đồ họa chuyển động 2D, đồ họa chuyển động 3D, đồ họa Game, video quảng cáo, phim hoạt hình.

\* *Chuyên ngành Báo chí truyền thông:*

- KN7b: Kỹ năng khai thác thông tin và sáng tạo tác phẩm báo chí đa phương tiện (tin, bài, podcast, sản phẩm truyền hình...); kỹ năng biên tập và dẫn chương trình; kỹ năng xây dựng chiến lược truyền thông, quản trị hình ảnh, xử lý khủng hoảng truyền thông.

### **3.3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm (TC)**

- TC1: Củng cố niềm tin vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức cách mạng, phấn đấu trở thành người công dân tốt.

- TC2: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- TC3: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

### **3.4. Chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ, tin học**

- NN1: Sử dụng được Tiếng Anh giao tiếp ở trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam: có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ năng lực Tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:

Khung NLNN	IELTS	TOEFL Paper/Internet	TOEIC	Cambridge ESOL Exams	Chứng nhận của HVPNVN
Bậc 3	4.5	450/31	450	PET (Pass)	50

- IT1: Có khả năng hiểu biết tổng quan về hệ thống máy tính, tổ chức dữ liệu, các tài nguyên và mạng máy tính. Thành thạo các kỹ năng sử dụng một số phần mềm văn phòng, khai thác ứng dụng tài nguyên, dịch vụ mạng internet theo Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 11/3/2014 hoặc tương đương với chứng chỉ do Học viện Phụ nữ Việt Nam tổ chức để phục vụ cho việc xét tốt nghiệp.

### **4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có nhiều cơ hội lựa chọn vị trí làm việc cụ thể:

- Chuyên viên tại các cơ quan, doanh nghiệp như: Chuyên viên thiết kế đồ họa, thiết kế trò chơi điện tử, sản xuất phim hoạt hình, phim quảng cáo; Kỹ thuật viên dựng audio, video; Chuyên viên phát triển ứng dụng công nghệ thông tin-truyền thông; Chuyên viên quảng cáo, marketing, quan hệ công chúng, quản trị truyền thông, quản trị Công thông tin điện tử, Website.

- Phóng viên, biên tập viên tại các cơ quan báo chí - truyền thông, cán bộ tại các cơ quan quản lý của nhà nước về báo chí, truyền thông: phóng viên, biên tập viên, người dẫn chương trình, đạo diễn, tổ chức sản xuất chương trình, cán bộ phụ trách tuyên truyền, chuyên viên quản lý nhà nước về báo chí - truyền thông.

- Khởi nghiệp và làm chủ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm truyền thông đa phương tiện.
- Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực đa phương tiện tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các cơ sở đào tạo như trường đại học, cao đẳng, trung tâm giáo dục nghề nghiệp hoặc đi học nâng cao trình độ ở bậc sau đại học.

## 5. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Bộ chuẩn đầu ra																	
			KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7a	KN7b	TC1	TC2	TC3	NN1	NN2	
1.	DHCT13	Triết học Mác – Lênin	2	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	
2.	DHCT14	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	
3.	DHCT15	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	
4.	DHCT16	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	
5.	DHCT17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	
6.	DHTH18	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	-	-	-	-	2	-	-	-	3	-	-	-	-	3	-	-	-	-
7.	DHNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	-	-	-	-	2	-	-	-	3	-	-	-	2	-	-	-	-	
8.		<i>Ngoại ngữ</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	
9.	DHT33	Tin học đại cương	-	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	
10.	DHGQ03		2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	
11.	DHGQ04	Giáo dục thể chất	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	
12.	DHGQ07		3	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	
13.	DHVH02	Cơ sở văn hóa Việt Nam	-	2	-	-	2	-	-	1	-	-	-	-	2	-	-	-	-	
	DHVH05	Tiếng Việt thực hành	-	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	1	-	-	-	-	
	DHVH07	Lịch sử văn minh thế giới	-	1	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	
	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp	-	-	-	2	-	-	-	3	-	-	-	-	2	-	-	-	-	
	DHTL19	Kỹ năng tư duy	-	-	-	1	-	-	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	
	DHTH01	KN xây dựng và PT nhóm làm việc	-	-	-	1	-	-	-	3	-	-	-	-	2	-	-	-	-	
	DHGH07	Truyền thông và vận động xã hội	-	-	2	-	-	-	3	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	
	DHGS03	Giới và phát triển	-	3	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	
13.	DHMT01	Cơ sở tạo hình	-	2	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	
14.	DHBC32	Nhiếp ảnh	-	3	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	
15.	DHVH08	Lý thuyết và ngôn ngữ	-	3	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	



31.	DHMT24	Nghệ thuật đồ họa chữ	-	3	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
32.	DHMT28	Kỹ xảo đa phương tiện	-	3	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2
	DHBC18	Kỹ năng dẫn chương trình	-	3	-	-	-	-	2	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-
	DHBC22	Chuyên đề Thực tế chính trị xã hội	2	-	-	-	2	-	-	-	-	-	1	-	2	-	-	-	-
	DHBC36	Chiến dịch truyền thông	-	3	-	-	-	-	-	3	-	-	2	-	2	-	-	-	-
33.	DHPR28	Thương mại điện tử	-	2	-	-	2	-	2	-	-	2	-	1	-	-	-	-	-
	DHMT26	Dựng hình 3D cơ bản	-	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	2	-	-	-	2
	DHMT10	Dựng hình 3D nâng cao	-	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	2	-	-	-	2
	DHMT23	Thiết kế hình hiệu	-	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	2	-	-	-	2
	DHMT29	Thiết kế giao diện website	-	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	2	-	-	-	2
	DHBC23	Các loại hình TT hiện đại	-	3	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-
	DHBC24	Sản xuất sản phẩm TTĐPT	-	3	-	-	2	-	3	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-
34.	DHMT17	Đồ họa chuyên động 2D	-	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	2	-	-	-	-
35.	DHMT21	Thiết kế đồ họa Game	-	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	2	-	-	-	-
36.	DHMT22	Đồ họa chuyên động 3D	-	2	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	2	-	-	-	-
37.	DHMT30	Thiết kế nhận diện TH	-	3	-	-	2	-	-	-	-	3	-	-	2	2	-	-	2
34.	DHBC16	KN khai thác thông tin	-	3	-	-	2	-	-	-	-	3	-	-	2	-	-	-	-
35.	DHBC19	Kỹ năng viết cho TT	-	3	-	-	2	-	-	-	-	3	-	-	2	-	-	-	-
36.	DHBC26	Tác phẩm báo chí đa phương tiện	-	3	-	-	2	-	-	-	-	3	-	-	2	-	-	-	-
37.	DHBC37	Biên tập tác phẩm đa phương tiện	-	3	-	-	2	-	-	-	-	3	-	-	2	-	-	-	-
38.	DHBC38	Kiến tập	-	-	2	-	-	-	3	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-
39.	DHBC39	Thực tập chuyên ngành	-	-	2	-	-	-	3	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-
40.	DHBC33	Thực tập tốt nghiệp	-	-	3	-	-	-	3	-	-	2	2	-	-	3	-	-	-
41.	DHBC34	Khóa luận/Đồ án TN	-	3	-	-	-	-	2	3	-	3	-	-	-	-	-	-	-

l: đóng góp thấp;

## 2: đóng góp trung bình;

### 3: đóng góp cao

## **6. Kế hoạch và cam kết thực hiện Chuẩn đầu ra**

### **6.1 Kế hoạch thực hiện để đạt chuẩn đầu ra:**

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện xây dựng một số giải pháp chủ yếu thực hiện như sau:

- Tổ chức xây dựng chương trình dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế, của thị trường và nhà tuyển dụng lao động.

- Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định;

- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.

- Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng; đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ học tập cho sinh viên. Phối hợp, kết nối chặt chẽ với các cơ quan và nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu và tuyển dụng người học.

### **6.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra**

Học viện Phụ nữ Việt Nam cam kết tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam./.

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN** 



PGS, TS. Trần Quang Tiến

